

Số: /2025/TT-BNNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Hướng dẫn các loại máy chuyên dùng khác phục vụ cho sản xuất nông nghiệp chưa được quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng

Căn cứ Luật Thuế Giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế Giá trị gia tăng;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư hướng dẫn các loại máy chuyên dùng khác phục vụ cho sản xuất nông nghiệp chưa được quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn các loại máy chuyên dùng khác phục vụ cho sản xuất nông nghiệp áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% chưa được quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2024 (sau đây gọi là Nghị định số 181/2025/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Người nộp thuế theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP.
- Cơ quan quản lý nhà nước về máy, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.
- Cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Máy chuyên dùng khác phục vụ cho sản xuất nông nghiệp áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% theo khoản 6 Điều 19 Nghị định

số 181/2025/NĐ-CP

Ban hành danh mục máy chuyên dùng khác phục vụ cho sản xuất nông nghiệp áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% chưa được quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát danh mục máy chuyên dùng khác phục vụ cho sản xuất nông nghiệp chưa được quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP, đề xuất Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, điều chỉnh, bổ sung.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cục KTVB&QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Bộ NN&MT: Bộ trưởng; các Thứ trưởng; các đơn vị thuộc Bộ; Cổng thông tin điện tử Bộ;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, KTHT (3b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Văn Hưng

Phụ lục

**DANH MỤC MÁY CHUYÊN DỤNG KHÁC PHỤC VỤ CHO SẢN XUẤT
NÔNG NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

STT	Tên máy chuyên dùng
1.	Máy kéo nông nghiệp.
2.	Máy đào mương, đắp bờ.
3.	Máy đào hố trồng cây.
4.	Máy gặt lúa kiểu xếp dẫy.
5.	Máy gặt đập liên hợp.
6.	Máy đập, tuốt quả đậu.
7.	Máy thu hoạch rau, hoa.
8.	Máy vùi phân hữu cơ.
9.	Máy đảo trộn phân bón.
10.	Máy làm héo, máy vò chè, máy phân loại chè.
11.	Máy rửa và sàng tạp chất cà phê; máy xát quả cà phê; máy tách vỏ thịt cà phê; lồng tách quả xanh cà phê, máy đánh nhót cà phê, máy làm ráo cà phê; máy tách tạp chất cà phê; máy phân loại cà phê; máy thổi cà phê; máy rung sàng cà phê và các linh kiện kèm theo (gầu tải, băng tải, xích tải, vít tải, quạt các loại, bồn chứa các loại, bồn trộn, lò đốt, máy hút bụi, cyclon, van airclock).
12.	Máy phân dung trọng tiêu; máy tách từ tính tiêu kiểu băng tải; máy tiết trùng tiêu; máy rung sàng tiêu và các linh kiện kèm theo (gầu tải, băng tải, xích tải, vít tải, quạt các loại, bồn chứa các loại, bồn trộn, lò đốt, máy hút bụi, cyclon, van airclock).
13.	Máy xát trắng gạo; máy bóc vỏ lúa; máy tách thóc; máy đánh bóng gạo; máy đánh bóng gạo; máy sàng tạp chất gạo; máy trống tách hạt lép; máy tách trấu; máy sàng đảo; máy sàng cám; máy sàng trấu; lò đốt trấu; máy bóc vỏ mè; dây chuyền máy bóc vỏ lúa ra gạo.
14.	Máy tách màu, phân loại màu nông sản dạng hạt.
15.	Máy cắt cỏ cầm tay dạng đeo vai.
16.	Máy băm cỏ.
17.	Máy đếm trứng gia cầm.
18.	Máy đóng gói trứng gia cầm.
19.	Máy chuyển trứng gia cầm; xe đẩy trứng dùng trong trang trại.
20.	Máy soi trứng gia cầm.
21.	Máy (ổ) đẻ tự động.
22.	Máy chuyên dùng chăm sóc sức khỏe cho vật nuôi trong trang trại chăn nuôi bao gồm: - Máy, thiết bị và phụ kiện phục vụ thụ tinh nhân tạo: Máy đếm tinh trùng; máy đóng gói tinh trùng; tủ bảo quản lạnh và vận chuyển tinh trùng 14

STT	Tên máy chuyên dùng
	lít, 34 lít; máy chung cất nước để pha loãng tinh trùng; - Máy siêu âm động vật; - Máy cắt mổ gia cầm; - Máy mài/cắt răng động vật; - Máy hấp và khử trùng; - Máy xác định động dục ở động vật.
23.	Máy cung cấp thức ăn, nước uống tự động cho gia súc, gia cầm.
24.	Máy thu gom trứng gia cầm.
25.	Máy dọn vệ sinh và xử lý chất thải trong trại chăn nuôi (Máy, thiết bị dọn phân: Hệ thống gạt phân tự động; máy tách phân tự động).
26.	Máy băm, trộn thức ăn thô xanh.
27.	Máy đóng gói thức ăn thô xanh.
28.	Máy quạt nước, máy sục khí (dạng bơm khí).
29.	Máy sục khí kiểu khuấy tán cho ao nuôi thủy sản.
30.	Máy cho thủy sản ăn tự động.
31.	Máy sản xuất thức ăn thủy sản.
32.	Máy phân loại thủy sản tại trang trại.
33.	Máy và phụ kiện làm mát gia súc, gia cầm dùng trong trang trại chăn nuôi: Bộ phận trao đổi nhiệt (tấm giấy làm mát); tủ điện điều khiển; máy đo tốc độ gió của quạt thông gió.
34.	Máy kéo cầm tay.
35.	Máy bóc vỏ điều, máy chiên hạt điều, máy phân loại nhân điều.
36.	Máy thu hoạch rau hoạt động bằng điện, máy phân loại hoa hoạt động bằng điện.
37.	Máy sản xuất thức ăn chăn nuôi bao gồm: Máy, hệ thống máy tải nguyên liệu (băng tải, gàu múc, ốc gàu tải, cánh gạt nhựa, xích tải, nhôm xích, bánh răng bằng nhựa, cánh đưa liệu); máy nghiền (sàng nghiền, búa nghiền); máy trộn (trục chính, cánh trộn); máy ép viên (khuôn ép, trục lô ép viên, vỏ lô ép, trục lệch tâm, trục chính, mâm lắp khuôn, vành chống mòn, bộ máy ép viên, cánh trộn ẩm, trục trộn ẩm, bộ kẹp khuôn ép); máy ép viên kiểu ép đùn (ruột xoắn ép đùn, vỏ ép đùn, vành áp lực, bộ máy ép đùn); máy bẻ mảnh; máy sàng phân loại viên cám.
38.	Máy kiểm tra nhanh (test nhanh) trữ lượng đường trong cây mía.
39.	Máy kiểm tra nhanh (test nhanh) chất lượng sữa tươi trong trang trại chăn nuôi bò, dê.
40.	Máy công tác liên hợp với máy kéo nông nghiệp: Dàn xới; dàn cày; dàn bừa; dàn phay; dàn gieo trồng; dàn ủi (dùng san phẳng mặt ruộng); dàn rải phân; dàn rạch hàng; dàn thu hoạch (ngô, mía, khoai, sắn, đậu); dàn gom rơm rạ; dàn băm rơm rạ; dàn phun thuốc bảo vệ thực vật; dàn gắp/gom mía, ngô.
41.	Máy, hệ thống máy sản xuất hạt giống bao gồm: Máy, hệ thống máy làm sạch hạt giống; máy phân loại hạt giống; máy cân và đóng gói hạt giống.

